QUY TẮC BẢO HIỂM KẾT HỢP TỰ NGUYỆN XE CƠ GIỚI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 0998/QĐ-PHH ngày 23/04/2015 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV)

Quy tắc bảo hiểm này áp dụng cho các nghiệp vụ bảo hiểm Xe cơ giới không mang tính chất bắt buộc của Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV (gọi tắt là "BIC") đã được Bên mua bảo hiểm (sau đây gọi tắt là "chủ xe") lựa chọn và tự nguyện tham gia bảo hiểm.

Trên cơ sở chủ xe yêu cầu bảo hiểm và đã đóng phí bảo hiểm theo thỏa thuận, BIC nhận bảo hiểm cho chủ xe theo các điều kiện quy định trong Quy tắc này gồm các loại hình bảo hiểm sau:

- Bảo hiểm tai nạn Lái xe, Phụ xe và Người ngồi trên xe;
- Bảo hiểm Trách nhiệm dân sự của chủ xe đối với hàng hóa vận chuyển trên xe.

PHẦN I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Hợp đồng bảo hiểm

Hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới, bao gồm:

1. Quy tắc bảo hiểm kết hợp xe cơ giới: là điều khoản quy định phạm vi bảo hiểm, quyền lợi, trách nhiệm của Chủ xe, của BIC và được BIC cấp khi Chủ xe yêu cầu.
2. Giấy yêu cầu bảo hiểm có chữ ký của chủ xe cơ giới: là bằng chứng về đề nghị bảo hiểm của Chủ xe và là cơ sở để thiết lập Hợp đồng bảo hiểm. Giấy yêu cầu bảo hiểm là một bộ phận cấu thành và không tách rời của Hợp đồng bảo hiểm.
3. Giấy chứng nhận bảo hiểm: Được BIC cấp cho Chủ xe, là bằng chứng ký kết Hợp đồng bảo hiểm và được điều chỉnh theo Quy tắc này.
4. Hợp đồng bảo hiểm (nếu có): là thỏa thuận bằng văn bản được ký kết giữa BIC và chủ xe, được điều chỉnh theo Quy tắc này.
5. Các điều khoản bảo hiểm bổ sung cho Hợp đồng: Là một bộ phận của Hợp đồng bảo hiểm được thoả thuận bổ sung nếu Chủ xe có yêu cầu.
6. Các thoả thuận khác được lập thành văn bản giữa chủ xe và BIC.

Điều 2: Hiệu lực bảo hiểm

1. Hiệu lực bảo hiểm bắt đầu và kết thúc được ghi trên Hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm.
2. Trường hợp chuyển quyền sở hữu xe được bảo hiểm, hợp đồng bảo hiểm mặc nhiên có hiệu lực đối với chủ xe mới trừ trường hợp chủ xe cũ yêu cầu chấm dứt hợp đồng bảo hiểm.
3. Hợp đồng bảo hiểm chỉ phát sinh trách nhiệm bảo hiểm khi Chủ xe thanh toán đầy đủ phí bảo hiểm cho BIC, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác bằng văn bản.

Điều 3: Chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm

1. Trong thời hạn bảo hiểm, một trong hai bên có quyền chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm bằng cách thông báo bằng văn bản cho bên kia trước 15 (mười lăm) ngày. Trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày ấn định chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm, nếu bên nhận được thông báo không có ý kiến phản hồi thì Hợp đồng bảo hiểm mặc nhiên được chấm dứt:

1.1. Trường hợp chủ xe yêu cầu chấm dứt Hợp đồng, BIC sẽ hoàn lại cho chủ xe 70% phí bảo hiểm của thời gian còn lại kể từ ngày chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm. Tuy nhiên, BIC sẽ không hoàn lại phí bảo hiểm trong trường hợp Hợp đồng bảo hiểm đang có hiệu lực đã xảy ra sự kiện bảo hiểm liên quan đến chiếc xe yêu cầu chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm và đã được BIC chấp nhận bồi thường.

1.2. Trường hợp BIC yêu cầu chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm, BIC sẽ hoàn lại toàn bộ số phí bảo hiểm của thời gian còn lại trong Hợp đồng cho chủ xe.

2. Trường hợp chủ xe không đóng đủ phí bảo hiểm hoặc không đóng phí bảo hiểm theo thời hạn thỏa thuận trong Hợp đồng bảo hiểm, hợp đồng bảo hiểm sẽ tự chấm dứt hiệu lực khi hết thời hạn thanh toán phí bảo hiểm. Chủ xe vẫn phải đóng đủ phí bảo hiểm đến thời điểm chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm theo biểu phí quy định của BIC.

3. Nếu xảy ra sự kiện bảo hiểm trong thời gian Hợp đồng bảo hiểm đang có hiệu lực, BIC có trách nhiệm bồi thường bảo hiểm, trả tiền bảo hiểm và được phép thu toàn bộ số phí bảo hiểm phải đóng theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm.

Điều 4: Phí bảo hiểm và mức trách nhiệm bảo hiểm

Phí bảo hiểm, Số tiền bảo hiểm, Mức trách nhiệm bảo hiểm đối với bảo hiểm vật chất xe cơ giới được thỏa thuận và được ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm. Trong mọi trường hợp, tổng số tiền bồi thường của BIC trong một vụ tai nạn không vượt quá mức trách nhiệm bảo hiểm (hoặc số tiền bảo hiểm) ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm và không vượt quá số tiền thực tế chủ xe phải sửa chữa, thay thế, khôi phục lại đối tượng được bảo hiểm sau khi xảy ra thiệt hại.

Điều 5: Trách nhiệm của chủ xe, người điều khiển xe

1. Đóng phí bảo hiểm đầy đủ theo thời hạn và phương thức theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm.
2. Khi yêu cầu bảo hiểm, chủ xe hoặc người đại diện của chủ xe phải kê khai đầy đủ, trung thực những nội dung trong Giấy yêu cầu bảo hiểm.
3. Trường hợp thay đổi mức độ rủi ro được bảo hiểm dẫn đến những yếu tố làm thay đổi cơ sở tính phí bảo hiểm, chủ xe cơ giới phải thông báo cho BIC trong vòng 15 ngày kể từ ngày có sự thay đổi đó.

3.1. Khi có sự thay đổi những yếu tố làm cơ sở để tính phí bảo hiểm, dẫn đến giảm các rủi ro được bảo hiểm thì chủ xe có quyền yêu cầu BIC giảm phí bảo hiểm cho thời gian còn lại của hợp đồng bảo hiểm. Trong vòng 5 ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu giảm phí của chủ xe, BIC phải có công văn trả lời chủ xe về việc chấp thuận hoặc không chấp thuận việc giảm phí và thời hạn hoàn trả phí bảo hiểm được giảm.

Trong trường hợp BIC không chấp nhận giảm phí bảo hiểm thì chủ xe có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng bảo hiểm theo quy định tại Điểm 1.1 Điều 3 của Quy tắc này.

3.2. Khi có sự thay đổi những yếu tố làm cơ sở để tính phí bảo hiểm, dẫn đến tăng các rủi ro được bảo hiểm thì BIC có quyền tính lại phí bảo hiểm cho thời gian còn lại của hợp đồng bảo hiểm. Trong trường hợp chủ xe không chấp nhận tăng phí bảo

hiểm thì BIC có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng bảo hiểm theo quy định tại Điểm 1.2 Điều 3 của Quy tắc này.

4. Tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn giao thông đường bộ.
5. Khi xảy ra tổn thất, chủ xe/người điều khiển xe phải có trách nhiệm:

5.1. Thông báo ngay cho BIC để phối hợp giải quyết, tích cực cứu chữa, hạn chế thiệt hại về người và tài sản, bảo vệ hiện trường tổn thất; đồng thời thông báo cho cơ quan Công an hoặc chính quyền địa phương nơi gần nhất (trừ trường hợp bất khả kháng);

5.2. Không được di chuyển, tháo gỡ hoặc sửa chữa tài sản khi chưa có ý kiến chấp thuận của doanh nghiệp bảo hiểm; trừ trường hợp cần thiết để đảm bảo an toàn, đề phòng hạn chế thiệt hại về người và tài sản hoặc phải thi hành theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

5.3. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày xảy ra tổn thất (trừ trường hợp bất khả kháng), chủ xe phải thông báo tổn thất bằng văn bản cho doanh nghiệp bảo hiểm.

6. Chủ xe phải trung thực trong việc thu thập, cung cấp các thông tin, tài liệu, chứng từ trong hồ sơ bồi thường và tạo điều kiện thuận lợi cho BIC trong quá trình xác minh tính chân thực của các thông tin, tài liệu, chứng từ đó.
7. Trường hợp tổn thất xảy ra có liên quan đến trách nhiệm của Người thứ ba, chủ xe phải thực hiện đúng theo các hướng dẫn của BIC để bảo lưu quyền khiếu nại và chuyển quyền đòi bồi thường cho BIC kèm theo toàn bộ hồ sơ, các căn cứ, tài liệu cần thiết và hợp tác chặt chẽ với BIC để đòi lại người thứ ba trong phạm vi số tiền đã hoặc sẽ được BIC bồi thường.
8. Đối với các thiệt hại dẫn đến phải thay thế và được BIC chấp thuận bồi thường, chủ xe/người điều khiển xe sau khi thực hiện xong công việc thay thế phải có trách nhiệm bàn giao tài sản bị thay thế cho BIC.

Điều 6: Trách nhiệm của BIC

1. Giải thích cho chủ xe/người điều khiển xe về quy tắc, điều khoản, biểu phí bảo hiểm; quyền lợi và trách nhiệm của chủ xe/người điều khiển xe khi tham gia bảo hiểm.
2. Trả tiền bồi thường bảo hiểm trong vòng 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ yêu cầu bồi thường đầy đủ, hợp lệ; không quá 30 ngày làm việc trong trường hợp BIC phải tiến hành xác minh hồ sơ. Trong trường hợp BIC không đủ thẩm quyền để xác minh các yếu tố trong hồ sơ thì hồ sơ bồi thường được coi là đầy đủ và hợp lệ sau khi có kết luận chính thức của cơ quan chức năng có thẩm quyền. Sau 90 ngày kể từ ngày BIC có văn bản đề nghị cơ quan chức năng có thẩm quyền tiến hành xác minh mà chưa có kết quả xác minh thì BIC phải chủ động tiến hành xác minh, xem xét giải quyết bồi thường.
3. Trường hợp từ chối bồi thường, BIC phải giải thích bằng văn bản lý do từ chối bồi thường trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày BIC nhận được đầy đủ hồ sơ bồi thường hợp lệ.
4. Phối hợp chặt chẽ với chủ xe/người điều khiển xe và cơ quan chức năng để giải quyết tổn thất.

5. Đối với những vụ tổn thất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng, khi có yêu cầu của chủ xe/người điều khiển xe, BIC sẽ phối hợp giải quyết ngay và khi đã xác định trách nhiệm thuộc phạm vi bảo hiểm có thể tạm ứng ngay một phần những chi phí cần thiết nhằm khắc phục hậu quả tổn thất.

6. BIC có trách nhiệm hướng dẫn chủ xe/người điều khiển xe thu thập tài liệu để lập hồ sơ bồi thường theo quy định tại Điều 8 quy tắc này.

7. BIC có trách nhiệm đánh giá lại rủi ro và định phí bảo hiểm trong vòng 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo thay đổi các yếu tố liên quan đến rủi ro của xe được bảo hiểm và có trách nhiệm hoàn phí hoặc thu thêm phí theo tỷ lệ tương ứng với thời hạn còn lại của hợp đồng bảo hiểm.

Điều 7: Giám định tổn thất

1. Khi xảy ra sự kiện bảo hiểm, mọi tổn thất liên quan đến đối tượng bảo hiểm đều được BIC hoặc người được BIC ủy quyền tiến hành giám định trực tiếp với sự có mặt của chủ xe, lái xe hoặc người đại diện hợp pháp nhằm xác định nguyên nhân và mức độ thiệt hại. Kết quả giám định phải lập thành văn bản có chữ ký của các biên liên quan. Chi phí giám định tổn thất do BIC chịu nếu thuộc trách nhiệm bảo hiểm.
2. Trường hợp chủ xe/người điều khiển xe không thống nhất được về nguyên nhân và mức độ tổn thất do BIC xác định thì hai bên sẽ thoả thuận việc lựa chọn giám định độc lập để thực hiện việc giám định. Trường hợp hai bên không thỏa thuận được việc trưng cầu giám định độc lập thì một trong hai bên yêu cầu Tòa án tại nơi xảy ra tổn thất hoặc nơi cư trú của chủ xe/người điều khiển xe chỉ định giám định độc lập. Kết luận bằng văn bản của giám định độc lập có giá trị bắt buộc đối với các bên.
3. Trường hợp kết luận của giám định độc lập khác với kết luận giám định của BIC, BIC phải trả chi phí giám định độc lập. Trường hợp kết luận của giám định độc lập trùng với kết luận giám định của BIC, chủ xe/người điều khiển xe phải trả chi phí giám định độc lập.
4. Đối với những tổn thất ước tính thiệt hại dưới 10 (mười) triệu đồng mà không có cơ quan chức năng lập biên bản vụ việc thì Chủ xe phải cung cấp đầy đủ thông tin chi tiết về nguyên nhân, diễn biến vụ tai nạn, mức độ thiệt hại cùng các tài liệu liên quan làm căn cứ xác định bồi thường.

Điều 8: Hồ sơ bồi thường

Đối với từng vụ việc cụ thể thì Hồ sơ bồi thường bao gồm một hoặc nhiều loại tài liệu sau:

1. Tài liệu do chủ xe cung cấp:

1.1. Thông báo tổn thất và yêu cầu bồi thường của chủ xe (theo mẫu của BIC);

1.2. Tài liệu liên quan đến xe, người điều khiển xe (bản sao có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền hoặc bản photocopy có xác nhận của nhân viên BIC sau khi đã đối chiếu với bản chính) như sau:

   a. Giấy chứng nhận bảo hiểm và/hoặc Hợp đồng bảo hiểm và các thỏa thuận khác bằng văn bản (nếu có);
   b. Giấy đăng ký xe, Giấy phép lái xe hợp lệ của người điều khiển xe bị tổn thất;

c. Các giấy tờ liên quan đến mua bán, chuyển nhượng, cho, tặng, uỷ quyền sử dụng xe (nếu có);
d. Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ hợp lệ (trừ trường hợp xe lưu hành tạm thời có văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền hoặc hoạt động trong thời gian thực hiện thủ tục đăng ký, kiểm định lần đầu tiên tại Việt Nam.)

1.3. Tài liệu chứng minh thiệt hại về tài sản, bao gồm:
a. Hóa đơn, chứng từ hợp lệ về việc sửa chữa, thay mới tài sản bị thiệt hại
b. Các giấy tờ chứng minh chi phí cần thiết và hợp lý mà chủ xe đã chi ra để giảm thiểu tổn thất hay để thực hiện theo chỉ dẫn của BIC.

1.4. Biên bản thỏa thuận/hòa giải (trong trường hợp hòa giải);

1.5. Bản án hoặc Quyết định có hiệu lực của Tòa án (nếu có);

1.6. Các tài liệu cần thiết để chuyển quyền cho BIC đòi bồi thường từ bên gây thiệt hại cho xe được bảo hiểm mà chủ xe đã được BIC giải quyết bồi thường thiệt hại này (trong trường hợp đòi người thứ ba).

2. Tài liệu do BIC phối hợp với chủ xe để thu thập:

2.1. Bản sao có xác nhận của cơ quan công an trong trường hợp tai nạn có sự tham gia giải quyết của cơ quan công an, bao gồm:
a. Biên bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn;
b. Sơ đồ hiện trường tai nạn, bản ảnh (nếu có);
c. Biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến tai nạn;
d. Thông báo sơ bộ kết quả điều tra ban đầu vụ tai nạn (nếu có);
e. Bản kết luận điều tra tai nạn (nếu có), Biên bản giải quyết tai nạn;
f. Biên bản thỏa thuận/hòa giải (trong trường hợp hòa giải); biên nhận tiền (nếu có)
g. Các tài liệu khác có liên quan đến vụ tai nạn (nếu có).

2.2. Các tài liệu liên quan đến trách nhiệm của người thứ ba (nếu có).

2.3. Biên bản giám định thiệt hại được các bên thống nhất.

3. Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

Điều 9: Bảo hiểm trùng

Trường hợp cùng một đối tượng bảo hiểm được bảo hiểm theo nhiều Hợp đồng bảo hiểm (Giấy chứng nhận bảo hiểm) khác nhau thì việc giải quyết bồi thường và phân chia bồi thường theo nguyên tắc sau:

1. Đối với những điều kiện bảo hiểm trùng của các hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm: doanh nghiệp bảo hiểm chỉ chịu trách nhiệm bồi thường theo tỷ lệ giữa số tiền bảo hiểm đã thỏa thuận trên tổng số tiền bảo hiểm của tất cả các hợp đồng mà chủ xe/người điều khiển xe đã tham gia bảo hiểm. Tuy nhiên, quy định này không áp dụng đối với loại hình bảo hiểm tai nạn lái xe, phụ xe và người ngồi trên xe..
2. Những điều kiện bảo hiểm không trùng nhau của các Hợp đồng bảo hiểm (nếu có) thì được giải quyết độc lập theo từng Hợp đồng bảo hiểm.

Điều 10: Thời hạn yêu cầu bồi thường, khiếu nại và thời hiệu khởi kiện

1. Thời hạn yêu cầu bồi thường là 01 năm kể từ ngày xảy ra sự kiện bảo hiểm. Thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan khác không tính vào

thời hạn yêu cầu trả tiền bảo hiểm hoặc bồi thường.

2. Thời hạn khiếu nại về quyết định bồi thường của BIC là 90 ngày kể từ ngày chủ xe nhận được thông báo bồi thường của doanh nghiệp bảo hiểm. Quá thời hạn nêu trên, BIC sẽ không giải quyết khiếu nại.
3. Thời hiệu khởi kiện về hợp đồng bảo hiểm là 03 năm kể từ thời điểm chủ xe nhận được thông báo bồi thường của doanh nghiệp bảo hiểm.
4. Mọi tranh chấp phát sinh từ hợp đồng bảo hiểm, nếu BIC và chủ xe không giải quyết được bằng thương lượng sẽ được đưa ra Tòa án tại Việt Nam giải quyết.

Điều 11: Điều khoản thỏa thuận bổ sung

Ngoài những quy định trong Quy tắc này, trường hợp chủ xe có yêu cầu mở rộng phạm vi bảo hiểm hoặc thu hẹp phạm vi bảo hiểm để được giảm phí bảo hiểm thì BIC sẽ xem xét theo từng yêu cầu cụ thể và có thể chấp nhận trên cơ sở thỏa thuận bổ sung bằng văn bản giữa chủ xe và BIC.

PHẦN II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ

CHƯƠNG I
BẢO HIỂM TAI NẠN LÁI XE, PHỤ XE VÀ NGƯỜI NGỒI TRÊN XE

Điều 12: Đối tượng bảo hiểm

Lái xe, phụ xe và những người khác được chở trên xe cơ giới (gọi chung là Người được bảo hiểm).

Điều 13: Phạm vi bảo hiểm

Người được bảo hiểm bị tai nạn khi đang ở trên xe, lên xuống xe trong quá trình xe tham gia giao thông.

Điều 14: Không thuộc phạm vi trách nhiệm bảo hiểm

Thiệt hại xảy ra trong những trường hợp sau không thuộc phạm vi bảo hiểm:

1. Hành động cố ý gây thiệt hại của chủ xe, người điều khiển xe, phụ xe, người ngồi trên xe và những người có quyền lợi liên quan đến sở hữu, khai thác và sử dụng xe;
2. Người điều khiển xe không có Giấy phép lái xe hoặc Giấy phép lái xe không phù hợp đối với loại xe cơ giới bắt buộc phải có Giấy phép lái xe. Trường hợp lái xe bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe có thời hạn hoặc không thời hạn hoặc bị tạm giữ Giấy phép lái xe mà quá lịch hẹn của cơ quan công an nhưng lái xe không đến để giải quyết thì được coi là không có Giấy phép lái xe;
3. Người điều khiển xe trong tình trạng có nồng độ cồn trong máu hoặc khí thở, sử dụng ma túy và hoặc các chất kích thích bị cấm hoặc vượt quá quy định của pháp luật hiện hành.
4. Xe đi vào đường cấm, khu vực cấm, đi ngược chiều của đường một chiều, rẽ, quay đầu xe tại nơi bị cấm, vượt đèn đỏ hoặc không chấp hành theo hiệu lệnh của người điều khiển giao thông, xe đi đêm không có thiết bị chiếu sáng hoặc đủ đèn chiếu sáng theo quy định.
5. Đua xe (hợp pháp hoặc trái phép); xe được bảo hiểm dùng để kéo xe khác không tuân thủ quy định của pháp luật.

6. Thiệt hại có tính hậu quả gián tiếp như: những thiệt hại mang yếu tố tinh thần, thiệt hại không do tai nạn trực tiếp gây ra.
7. Tai nạn xảy ra ngoài lãnh thổ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (trừ trường hợp có thỏa thuận riêng, chủ xe nộp thêm phụ phí bảo hiểm và được BIC chấp nhận bằng văn bản).
8. Khủng bố, chiến tranh và các nguyên nhân tương tự như: nội chiến, bạo loạn, đình công.
9. Xe chở vượt quá tải trọng/số chỗ ngồi quy định trên 50% căn cứ theo giấy chứng nhận kiểm định. Các trường hợp khác sẽ áp dụng bồi thường theo tỷ lệ % vượt quá tải trọng được quy định tại Khoản 1 và 2 Điều 15.
10. Người được bảo hiểm tham gia đánh nhau trừ trường hợp được xác nhận là hành động tự vệ chính đáng.
11. Người được bảo hiểm bị cảm đột ngột, trúng gió, bệnh tật (bao gồm cả bệnh truyền nhiễm), ngộ độc thức ăn, đồ uống, sử dụng thuốc không đúng chỉ dẫn của cơ quan y tế.

Các điểm loại trừ 1, 2, 3, 4, 5 chỉ áp đối với lái xe.

Điều 15: Giảm trừ bồi thường

BIC thực hiện giảm mức bồi thường trong một số trường hợp sau đây:

1. Giảm số tiền bồi thường tương ứng với tỷ lệ % chở quá trọng tải (từ trên 20% đến 50%) theo quy định trong Giấy chứng nhận đăng kiểm.
2. Nếu tại thời điểm xảy ra tai nạn, số người thực tế lớn hơn số người được bảo hiểm ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm và xe chở quá số chỗ ngồi quy định từ 20% đến 50% thì mức trả tiền bảo hiểm sẽ giảm theo tỷ lệ giữa số người được bảo hiểm với số người thực tế trên xe.
3. Giảm số tiền bồi thường theo tỷ lệ giữa số phí thực nộp và số phí phải nộp theo quy định trong trường hợp: Chủ xe cơ giới kê khai giấy yêu cầu bảo hiểm sai (không đúng mục đích sử dụng của xe) làm thu thiếu phí bảo hiểm so với quy định;

Điều 16: Quyền lợi bảo hiểm

1. Trường hợp Người được bảo hiểm bị chết do tai nạn thuộc phạm vi bảo hiểm: BIC trả toàn bộ Số tiền bảo hiểm ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm.
2. Trường hợp Người được bảo hiểm bị thương tật thân thể do tai nạn thuộc phạm vi bảo hiểm:

2.1. Số tiền bảo hiểm trên 50 (năm mươi) triệu đồng/người/vụ.

2.1.1. Trường hợp Người được bảo hiểm bị thương tật vĩnh viễn do tai nạn thuộc phạm vi bảo hiểm: BIC chi trả tiền bảo hiểm theo Bảng tỷ lệ trả tiền bảo hiểm thương tật hiện hành của BIC.

2.1.2. Trường hợp Người được bảo hiểm bị thương tật tạm thời do tai nạn thuộc phạm vi bảo hiểm, BIC chi trả tiền bảo hiểm theo chi phí thực tế hợp lý bao gồm chi phí cấp cứu, chi phí điều trị, chi phí bồi dưỡng trong thời gian điều trị (mỗi ngày 0,1% số tiền bảo hiểm, không quá 180 ngày/vụ tai nạn). Tổng số tiền chi trả cho các khoản chi phí nêu trên không vượt quá tỷ lệ trả tiền quy định trong Bảng tỷ lệ trả tiền bảo hiểm thương tật hiện hành của BIC.

2.2. Số tiền bảo hiểm bằng hoặc dưới 50 (năm mươi) triệu đồng/người/vụ: Trường hợp Người được bảo hiểm bị thương tật thân thể do tai nạn thuộc phạm vi bảo hiểm: BIC chi trả tiền bảo hiểm theo Bảng tỷ lệ trả tiền bảo hiểm thương tật hiện hành của BIC.

3. Trường hợp tai nạn thuộc phạm vi bảo hiểm, trong vòng một năm kể từ ngày xảy ra tai nạn, Người được bảo hiểm bị chết do hậu quả của tai nạn đó: BIC sẽ trả phần chênh lệch giữa số tiền bảo hiểm ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm với số tiền bảo hiểm đã trả trước đó.

4. Trường hợp hậu quả của tai nạn thuộc phạm vi bảo hiểm bị trầm trọng hơn do bệnh tật hoặc sự tàn tật có sẵn của Người được bảo hiểm hoặc điều trị thương tật thân thể không kịp thời và không theo chỉ dẫn của cơ sở y tế thì BIC chỉ trả tiền bảo hiểm như đối với loại thương tật tương tự ở người có sức khỏe bình thường được điều trị một cách hợp lý.

Điều 17: Trả tiền bảo hiểm

Tiền bảo hiểm được trả theo thứ tự sau:Người được bảo hiểm hoặc, người thụ hưởng hoặc , người thừa kế hợp pháp của Người được bảo hiểm.

CHƯƠNG III
BẢO HIỂM TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ CỦA CHỦ XE ĐỐI VỚI HÀNG HÓA VẬN CHUYỂN TRÊN XE

Điều 18: Phạm vi bảo hiểm

1. BIC nhận bảo hiểm Trách nhiệm dân sự của chủ xe phải bồi thường cho chủ hàng về những tổn thất hàng hóa vận chuyển trên xe theo quy định của Bộ Luật dân sự và các quy định khác của pháp luật trong những trường hợp xe bị: Đâm va, lật, đổ, rơi; chìm; hoả hoạn, cháy, nổ; bị các vật thể khác rơi, va chạm vào;

   Những tai họa bất khả kháng do thiên nhiên: Bão, lũ lụt, sụt lở, sét đánh, động đất, mưa đá, sóng thần;

2. Ngoài ra, BIC còn thanh toán cho chủ xe các chi phí cần thiết, hợp lý nhằm:

2.1. Ngăn ngừa, giảm nhẹ tổn thất thêm cho hàng hóa;

2.2. Bảo quản, xếp dỡ, lưu kho, lưu bãi hàng hóa trong quá trình vận chuyển do hậu quả của tai nạn;

2.3. Giám định tổn thất thuộc trách nhiệm của BIC;

Trong mọi trường hợp, số tiền bồi thường của BIC (bao gồm cả các chi phí trên) không vượt quá mức trách nhiệm ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm.

3. BIC mở rộng phạm vi bồi thường trong trường hợp hàng hóa của chính chủ xe.

Điều 19: Không thuộc phạm vi bảo hiểm

BIC không chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại về hàng hóa trong những trường hợp sau:

1. Hành động cố ý gây thiệt hại của:

1.1. Chủ xe, người điều khiển xe và những người có quyền lợi liên quan đến sở hữu, khai thác và sử dụng xe.

1.2. Những người có quyền lợi liên quan đến hàng hóa chở trên xe.

2. Tại thời điểm xe đang hoạt động (vận hành) xảy ra tai nạn nhưng không có Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ hợp lệ theo quy định của pháp luật hiện hành.
3. Người điều khiển xe không có Giấy phép lái xe hoặc Giấy phép lái xe không phù hợp đối với loại xe cơ giới bắt buộc phải có Giấy phép lái xe. Trường hợp lái xe bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe có thời hạn hoặc không thời hạn hoặc bị tạm giữ Giấy phép lái xe mà quá lịch hẹn của cơ quan công an nhưng lái xe không đến để giải quyết thì được coi là không có Giấy phép lái xe.
4. Người điều khiển xe trong tình trạng có nồng độ cồn trong máu hoặc khí thở, sử dụng ma túy và hoặc các chất kích thích bị cấm theo quy định của pháp luật hiện hành.
5. Xe đi vào đường cấm, khu vực cấm, đi ngược chiều của đường một chiều, rẽ, quay đầu xe tại nơi bị cấm, vượt đèn đỏ hoặc không chấp hành theo hiệu lệnh của người điều khiển giao thông, xe đi đêm không có thiết bị chiếu sáng hoặc đủ đèn chiếu sáng theo quy định.
6. Đua xe (hợp pháp hoặc trái phép); xe được bảo hiểm dùng để kéo xe khác không tuân thủ quy định của pháp luật.
7. Xe chở hàng trái phép hoặc không thực hiện đầy đủ các quy định về vận chuyển, xếp dỡ chằng buộc hàng hóa theo quy định của pháp luật.
8. Tổn thất xảy ra ngoài lãnh thổ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (trừ trường hợp có thỏa thuận riêng, chủ xe nộp thêm phụ phí bảo hiểm và được BIC chấp nhận bằng văn bản).
9. Tổn thất xảy ra trong trường hợp khủng bố, chiến tranh và các nguyên nhân tương tự như: nội chiến, bạo loạn, đình công.
10. Xe chở vượt quá trọng tải quy định trên 50% căn cứ theo giấy chứng nhận kiểm định. Các trường hợp khác sẽ áp dụng bồi thường theo tỷ lệ % vượt quá tải trọng được quy định tại Khoản 4 Điều 26.
11. Lái xe, chủ xe hoặc người đại diện của chủ xe thiếu trách nhiệm trong việc trông coi, bảo quản hàng hóa.
12. Xe không thích hợp với loại hàng chuyên chở.
13. Hàng bị thiếu, mất cắp, trộm cướp (trừ trường hợp mất hàng hóa cùng với mất cắp, mất cướp toàn bộ xe), sai thể loại, quy cách, sai mã ký hiệu.
14. Hàng hoá lưu thông trái phép; Hàng bị cơ quan kiểm soát Nhà nước thu giữ, bắt giữ hoặc bị hư hỏng do chậm trễ, trừ chậm trễ do tai nạn.
15. Hàng hóa hư hỏng tự nhiên, hư hỏng do không đủ phẩm chất, do bao bì đóng gói, chất xếp hàng không đúng theo yêu cầu kỹ thuật. Hư hỏng do bị xô lệch, va đập trong quá trình vận chuyển mà không phải do xe đâm va, lật đổ.
16. Giao hàng chậm trễ, giao hàng không đúng người nhận; giao thiếu, sai thể loại, sai quy cách, sai mã ký hiệu.
17. Khấu trừ bồi thường 0,5% mức trách nhiệm bảo hiểm mà chủ xe đã tham gia và tối thiểu không thấp hơn 500.000 đồng/vụ (chủ xe tự chịu một phần thiệt hại).
18. Những loại hàng hóa không xác định được giá trị như thi hài, hài cốt, bản vẽ hay tài liệu thiết kế...
19. Thiệt hại có tính chất hậu quả gián tiếp như: Giảm giá trị thương mại, thiệt hại gắn liền với việc sử dụng và khai thác tài sản bị thiệt hại, những thiệt hại mang

yếu tố tinh thần, thiệt hại không do tai nạn trực tiếp gây ra.

20. Người điều khiển xe vi phạm vượt quá tốc độ cho phép trên 50%.

Điều 20: Giảm trừ bồi thường

BIC thực hiện giảm mức bồi thường theo tỷ lệ trong một số trường hợp sau đây:

1. Giảm 30% số tiền bồi thường trong các trường hợp sau:
   a. Chủ xe cơ giới/Người điều khiển xe không Thông báo tổn thất cho BIC trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày xảy ra tổn thất (trừ trường hợp bất khả kháng);
   b. Chủ xe cơ giới/Người điều khiển xe không thực hiện đầy đủ các biện pháp cứu chữa, hạn chế thiệt hại về người và tài sản, không bảo vệ hiện trường tổn thất, không thông báo ngay cho cơ quan công an hoặc chính quyền địa phương nơi gần nhất; không thông báo ngay cho doanh nghiệp bảo hiểm (trừ trường hợp bất khả kháng).
   c. Chủ xe cơ giới/Người điều khiển xe vi phạm vượt quá tốc độ cho phép (từ 20% đến 50%);
2. Giảm 50% đến 100% số tiền bồi thường trong các trường hợp sau:
   a. Chủ xe cơ giới không bảo lưu quyền khiếu nại và chuyển quyền đòi người thứ ba cho BIC kèm theo toàn bộ hồ sơ, các căn cứ tài liệu cần thiết, không hợp tác chặt chẽ với BIC để đòi lại người thứ ba hoặc tự động thỏa thuận bồi thường với người thứ ba gây thiệt hại cho doanh nghiệp bảo hiểm;
   b. Chủ xe cơ giới/Người điều khiển xe không trung thực trong việc cung cấp các thông tin, tài liệu, chứng từ trong hồ sơ bồi thường; không tạo điều kiện thuận lợi cho BIC trong quá trình xác minh tính chân thực của các thông tin, tài liệu, chứng từ đó.
3. Giảm số tiền bồi thường tương ứng với tỷ lệ % chở quá trọng tải (từ trên 20% đến 50%) theo quy định trong Giấy chứng nhận đăng kiểm.
4. Giảm số tiền bồi thường theo tỷ lệ giữa số phí thực nộp và số phí phải nộp theo quy định trong trường hợp:
   a. Chủ xe cơ giới kê khai giấy yêu cầu bảo hiểm sai làm thu thiếu phí bảo hiểm so với quy định;
   b. Chủ xe cơ giới không thông báo cho BIC trong trường hợp có sự gia tăng mức độ rủi ro bảo hiểm để bổ sung phí bảo hiểm (như chuyển đổi mục đích sử dụng, hoán cải, nâng cấp làm tăng giá trị xe).

Ngoài các trường hợp nêu trên, trong từng trường hợp cụ thể, nếu chủ xe/người điều khiển xe không thực hiện đầy đủ trách nhiệm tại **Điều 5** Quy tắc này trên thì BIC có quyền từ chối một phần hoặc toàn bộ số tiền bồi thường tùy theo mức độ vi phạm của chủ xe/lái xe.

Điều 21: Hàng hóa đặc biệt

Các loại hàng hóa sau đây chỉ được bảo hiểm với điều kiện chủ xe có Hợp đồng thỏa thuận riêng với BIC:

1. Kim loại quý, đá quý (dạng nguyên thủy hoặc đã tinh chế).
2. Đồ cổ, tranh, tượng nghệ thuật.
3. Tiền, các loại ấn chỉ, hóa đơn, giấy tờ có giá trị như tiền.
4. Súc vật.

Điều 22: Giá trị hàng hóa vận chuyển

Giá trị hàng hóa vận chuyển được tính tại thời điểm trước khi đưa hàng lên xe và không vượt quá giá trị thực tế trên thị trường tại nơi đưa hàng lên xe vào thời điểm xảy ra thiệt hại.